

Bài 50

THỰC HÀNH :
SO SÁNH SỰ PHÁT TRIỂN NGÀNH THỦY SẢN
Ở BẮC TRUNG BỘ VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ

I – MỤC TIÊU CỦA BÀI THỰC HÀNH

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

- củng cố kiến thức về ngành thủy sản ở nước ta.
- củng cố kiến thức về Các vấn đề phát triển kinh tế – xã hội ở Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

2. Về kĩ năng

- Kĩ năng đọc Atlas theo chủ đề cho trước.
- Kĩ năng so sánh, phân tích, tổng hợp tài liệu.
- Kĩ năng viết báo cáo.
- Kĩ năng làm việc theo nhóm.

II – CÁC PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC

- Bản đồ Kinh tế Bắc Trung Bộ, bản đồ Kinh tế Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên.
- Atlas Địa lí Việt Nam.
- Một số thông tin bổ sung về nghề cá vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ.

III – MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Trong Atlas Địa lí Việt Nam do Công ti Bản đồ – tranh ảnh giáo khoa xuất bản có nguồn thông tin khá phong phú để làm bài thực hành này. Điều quan trọng là GV hướng dẫn HS hiểu được các thông tin trên bản đồ, suy luận và làm sáng tỏ các nội dung có liên quan đến chủ đề trong bài thực hành này. Những thông tin khác cần bỏ qua để tránh mất thời gian trên lớp.

2. Dưới đây là một số so sánh làm mẫu để HS tự điền thêm vào bảng.

Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
<i>Điều kiện tài nguyên để khai thác hải sản</i>	
– Biển nông : có điều kiện phát triển nghề lưới giã.	– Biển sâu hơn. Thêm lục địa hẹp ngang. Có điều kiện phát triển nghề lưới giã và nghề câu khơi...
– Chịu ảnh hưởng mạnh của gió mùa Đông Bắc, bão, biển động. Ảnh hưởng : hạn chế số ngày tàu thuyền ra khơi, phải di chuyển ngư trường.	– Chịu ảnh hưởng của gió mùa Đông Bắc yếu hơn, hay có bão, biển động. Ảnh hưởng : hạn chế số ngày tàu thuyền ra khơi, phải di chuyển ngư trường.

Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ
– Có các bãi tôm, cá ven bờ. Gần ngư trường vịnh Bắc Bộ.	– Có các bãi tôm, cá ven bờ. Có ngư trường cực Nam Trung Bộ giàu nguồn lợi. Hai ngư trường ngoài khơi : Hoàng Sa và Trường Sa.
<i>Điều kiện tài nguyên để nuôi trồng hải sản</i>	
– Có các cửa sông, đầm phá thuận lợi để nuôi thủy sản nước lợ. Có thể phát triển nuôi tôm trên cát.	– Có các cửa sông thuận lợi để nuôi thủy sản nước lợ. Có thể phát triển nuôi tôm trên cát. Có nhiều vũng vịnh kín, có khả năng phát triển nuôi thủy sản nước mặn.
– Bão, lũ, gió nóng là các hạn chế.	Bão, lũ, thiếu nước về mùa khô là các hạn chế.
<i>Điều kiện kinh tế – xã hội</i>	
– Dân cư, lao động	
– Cơ sở vật chất kĩ thuật	
– Thị trường	
– Chính sách	

3. Xử lí số liệu trong bảng 50. (SGK), ta được các bảng số liệu sau đây :

**SẢN LƯỢNG THỦY SẢN BẮC TRUNG BỘ
VÀ DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ**

(Đơn vị : nghìn tấn)

Vùng	Năm 1995			Năm 2005		
	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng	Tổng số	Khai thác	Nuôi trồng
Bắc Trung Bộ	108,7	93,1	15,6	247,7	182,2	65,5
Duyên hải Nam Trung Bộ	339,2	331,3	8,0	623,8	574,9	48,9

**CƠ CẤU SẢN LƯỢNG THUỶ SẢN KHAI THÁC
VÀ NUÔI TRỒNG PHÂN THEO TỈNH**

(Đơn vị : %)

Đơn vị hành chính	Sản lượng khai thác		Sản lượng nuôi trồng	
	1995	2005	1995	2005
Cả nước	75,4	57,4	24,6	42,6
<i>Bắc Trung Bộ</i>	85,6	73,6	14,4	26,4
– Thanh Hoá	80,3	74,0	19,7	26,0
– Nghệ An	78,7	66,8	21,3	33,2
– Hà Tĩnh	90,1	67,7	9,9	32,3
– Quảng Bình	93,9	84,0	6,1	16,0
– Quảng Trị	92,1	81,4	7,9	18,6
– Thừa Thiên – Huế	95,9	77,8	4,1	22,2
<i>Duyên hải Nam Trung Bộ</i>	94,5	92,2	5,5	7,8
– Đà Nẵng	98,4	98,8	1,6	1,2
– Quảng Nam	93,7	90,2	6,3	9,8
– Quảng Ngãi	99,2	95,8	0,8	4,2
– Bình Định	98,0	97,1	2,0	2,9
– Phú Yên	95,9	91,7	4,1	8,3
– Khánh Hoà	95,6	78,3	4,4	21,7
– Ninh Thuận	96,5	80,0	3,5	20,0
– Bình Thuận	99,6	97,2	0,4	2,8

IV – TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. GV gợi ý HS cách đọc Atlas Địa lí Việt Nam, xác định các trang cần đọc, các thông tin cần rút ra. Sau đó, GV phân công các nhóm để cùng làm những phần việc cho bản báo cáo :

- Nhóm đánh giá các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên.
- Nhóm đánh giá các điều kiện kinh tế – xã hội.
- Nhóm đánh giá hiện trạng phát triển và phân bố sản xuất thuỷ sản. So sánh hai vùng.

2. Đại diện các nhóm trình bày, HS các nhóm khác bổ sung, GV chốt lại các ý chính và hướng dẫn các em viết một bản báo cáo hoàn thiện các nội dung.